TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE Bản án số: 32/2023/DS-ST Ngày: 09-5-2023 "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST - DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/QĐST – DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bé H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1963 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê Văn T, sinh năm 1959(vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Bé H trình bày như sau:

Từ năm 2015 bà Trần Thị Ngọc H1 có tham gia nhiều dây hụi do tôi làm chủ hụi.

Dây thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2015 (Al) đến ngày 20/12/2017 thì mãn hụi, dây hụi có 25 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt đầu

ngày 20/11/7/2015 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 33.800.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 20/5/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 08 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 16.000.000 đồng.

Dây thứ hai: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2015 (Al) đến ngày 17/4/2017 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 24 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 15/7/2015 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 33.450.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 15/3/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 08 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 22.000.000 đồng.

Dây thứ ba: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 12/9/2015 (Al) đến ngày 12/6/2017 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 12/9/2015 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 30.500.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 12/5/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 13 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng.

Dây thứ tư: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2016 (Al) đến ngày 30/3/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 23 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 30/6/2016 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 31.800.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 30/11/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 16 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 32.000.000 đồng.

Dây thứ năm: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 06/8/2016 (Al) đến ngày 06/6/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 06/8/2016 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho chị H1 số tiền 30.450.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 06/3/2017 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 14 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 28.000.000 đồng.

Dây thứ sáu: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2017 (Al) đến ngày 09/10/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi đầu ngày 09/01/2017 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 30.500.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 09/7/2017 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 15 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 30.000.000 đồng.

Dây thứ bảy: hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2017 (Al) đến ngày 12/3/2019 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 12/7/2017 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 16.600.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 12/3/2018 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 11 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 11.000.000 đồng.

Dây thứ tám: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2017 (Al) đến ngày 10/5/2019 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 10/02/2017 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 32.630.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày10/02/2018 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 15 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 30.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền bà H1 còn nợ tôi là 195.000.000 đồng. Từ ngày tôi ngưng hụi tôi đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H1 và ông T trả số tiền trên cho tôi nhưng ông, bà vẫn không trả. Việc bà H1 chơi hụi của tôi ông T cũng có biết rõ và hiện nay hai người vẫn là vợ chồng hợp pháp. Bà H1 chơi hụi để phục vụ kinh tế gia đình. Nay tôi yêu cầu

bà H1 và ông T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho tôi tổng cộng số tiền hụi chết là 195.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Trần Thị Ngọc H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù bà H1, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, khi tòa án đến tống đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của bà Bé H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho bà H1; ông Tân nhưng bà H1, ông T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của bà H1, ông T nên không có lời trình bày của ông, bà trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Bà Trần Thị Ngọc H1 và ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H1, ông T là phù hợp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H cho rằng bà có làm chủ hụi và bà H1 có tham gia chơi 8 dây hụi và đã hốt hụi nhưng không thực hiện việc đóng hụi chết lại cho bà Bé H tổng cộng số tiền bà Hà còn nợ lại bà Bé H là 195.000.000 đồng đối với các dây hụi cụ thể như sau: Dây thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2015 (Al) đến ngày 20/12/2017 thì mãn hụi, dây hụi có 25 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt đầu ngày 20/11/7/2015 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 33.800.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 20/5/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 08 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 16.000.000 đồng. Dây thứ hai: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2015 (Al) đến ngày 17/4/2017 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 24 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 15/7/2015 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho chị H1 số tiền 33.450.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 15/3/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ tôi 08 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 22.000.000 đồng. Dây thứ ba: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 12/9/2015 (Al) đến ngày 12/6/2017 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 12/9/2015 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 30.500.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 12/5/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 13 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng. Dây thứ tư: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2016 (Al) đến ngày 30/3/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 23 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 30/6/2016 (Al) . Tôi có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 31.800.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 30/11/2016 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 16 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 32.000.000 đồng. Dây thứ năm: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 06/8/2016 (Al) đến ngày 06/6/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 06/8/2016 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 30.450.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 06/3/2017 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 14 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 28.000.000 đồng. Dây thứ

sáu: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2017 (Al) đến ngày 09/10/2018 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi đầu ngày 09/01/2017 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà Hà số tiền 30.500.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 09/7/2017 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 15 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 30.000.000 đồng. Dây thứ bảy: hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2017 (Al) đến ngày 12/3/2019 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 12/7/2017 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 16.600.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày 12/3/2018 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 11 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 11.000.000 đồng. Dây thứ tám: hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2017 (Al) đến ngày 10/5/2019 (Al) thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, bà H1 tham gia 01 phần, bà H1 hốt hụi ngày 10/02/2017 (Al) . Bà Bé H có giao tiền hụi cho bà H1 số tiền 32.630.000 đồng. Sau đó bà H1 đóng hụi chết đến ngày10/02/2018 (Al) thì ngưng không đóng hụi nữa. Bà H1 còn nợ bà Bé H 15 tháng hụi chết số tiền hụi chết là 30.000.000 đồng. Bà Bé H vẫn giữ yêu cầu bà H1 và chồng là ông Lê Văn T liên đới hoàn trả số tiền hụi chết là 195.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà Bé H cung cấp các tài liệu chứng cứ là giấy viết tay không tiêu đề thể hiện việc bà Bé H và bà H1 chốt số tiền bà H1 hiện còn nợ là 195.000.000 đồng. Thấy rằng bị đơn Trần Thị Ngọc H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, khi Tòa án đến tống đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của bà Bé H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho bà H1, ông T nhưng ông, bà từ chối nhận. Do đó đủ căn cứ xác định bà H1, ông T biết việc bà Bé H khởi kiện ông, bà về số tiền hụi ông, bà còn nợ bà Bé H và cũng biết số tiền bà Bé H kiện là 195.000.000 đồng mặc dù bà H1, ông T đã nhận thông báo giao nộp chứng cứ để trình bày ý kiến hay chứng minh đối với việc có nợ bà Bé H số tiền trên hay không nhưng bà H1, ông T vẫn cố tình vắng mặt nhiều lần. Điều đó chứng tỏ bà H1, ông T đã xem thường pháp luật và tự từ bỏ quyền lợi của bà H1, ông T. Việc ông T không trực tiếp tham gia chơi hụi nhưng có biết việc bà H1 tham gia chơi hụi của bà Bé H, hiện nay ông bà vẫn là vợ chồng hợp pháp và việc bà H1 tham gia chơi hụi cũng phục vụ kinh tế gia đình, mặc khác ông T cũng không có ý kiến về việc bà Bé H khởi kiện ông liên đới cùng bà H1 trả cho bà Bé H số tiền 195.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé H, buộc bà Trần Thị Ngọc H1 và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Bé H số tiền hụi là 195.000.000 đồng. Việc bà Bé H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 195.000.000 đồng mà bà Trần Thị Ngọc H1 và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả là sự tự nguyện của bà nên ghi nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên buộc bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông, bà thuộc diện người cao tuổi nên không phải nộp.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Bé H đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé H

Buộc bà Trần Thị Ngọc H1 và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Bé Hai số tiền hụi là 195.000.000 đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc H1 và ông Lê Văn T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông, bà thuộc diện người cao tuổi nên không phải nộp.

Hoàn trản tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Bé H số tiền 4.875.000 đồng tại biên lai thu số 0000518 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đỉnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).